



wú fǎ wú tiān

无法无天

idiom (adjective) · lawless; reckless; without fear of consequences

Example Sentences

Tā jiǎn zhí wú fǎ wú tiān shuí de huà dōu bù tīng
他简直无法无天，谁的话都不听。

He is simply lawless and listens to no one.

Zhè xiē wú fǎ wú tiān de xíng wéi bì xū shòu dào chéng fá
这些无法无天的行为必须受到惩罚。

These lawless acts must be punished.

Trace each character, then write the word on your own.

无	无	无	无	无	无	无				
法	法	法	法	法	法	法	法	法	法	法
无	无	无	无	无	无	无				
天	天	天	天	天	天	天				